

Bản án số: 05/2023/HS-ST
Ngày 27-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đức Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Tấn Ngợi;

- Ông Châu Xuân Trường;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ma Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang:** Ông Đàm Như Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

MA THỊ C, sinh ngày 27/01/1980, tại xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Ma Văn T, sinh năm 1958 và bà Ma Thị T1, sinh năm 1958; có chồng là ông Ma Đình H1, sinh năm 1977 và có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2008; anh chị em ruột: Có 05 người, bị cáo là thứ ba.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt);

- Người bào chữa cho bị cáo:

Bà Lại Khoa L - Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang (có mặt);

- **Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phù Đức L; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ma Công T2 - Công chức địa chính, xây dựng và môi trường xã H (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Lý Văn T3, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn H2, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

+ Ma Đình Đ, sinh năm 1974;

+ Ma Đình S, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Thôn B1, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Điều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

+ Ma Đình N, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn B1, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

+ Lý Văn B3, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

+ Hà Văn T4, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn 5, xã Y, huyện Y1, tỉnh Tuyên Quang.

+ Nguyễn Văn T5, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn B2, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Điều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018 Ma Thị C, cư trú tại thôn B, xã H cho ông Lý Văn T3, cư trú tại thôn H2, xã H vay 7.000.000 đồng. Tháng 8/2022, C đến nhà ông T đề nghị trả tiền, do không có tiền trả ông T bảo C mua các cây gỗ tại vườn rừng của mình (nguồn gốc rừng do bố mẹ ông T là ông Đặng Văn K và bà Đặng Thị B khai phá, sử dụng từ năm 1989 đến năm 2004, khi chết để lại và chia cho ông T và em trai là Lý Văn M, cư trú cùng thôn) để trừ nợ và dẫn C đến khu vực K thuộc thôn H2, xã H xem cây thì C về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T nói không có, nhưng C vẫn đồng ý mua nói sẽ tự lo thủ tục khai thác, cả hai thống nhất số tiền mua bán 8.000.000 đồng, C đưa ông T 1.000.000 đồng tiền mặt, còn 7.000.000 đồng được trừ vào tiền vay trước đó.

Tối ngày 26/8/2022, C gọi điện cho ông Ma Đình Đ, cư trú tại thôn B1, xã H thuê khai thác gỗ với giá 350.000 đồng/một ngày công và nói dối Đ đã có giấy phép khai thác, ông Đ đồng ý. Sáng ngày 27/8/2022, ông Đ rủ anh Ma Đình S, cư trú cùng thôn đi cùng khai thác trả công 200.000 đồng/một ngày, anh S đồng ý. Ngày 27,28/8/2022 ông Đ cầm theo 01 cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna 365 màu cam, 01 dao quắm dài 54cm, dùng cưa xăng cắt hạ các cây gỗ, cùng anh S lăn xuống đường mòn và thuê anh Ma Đình N, cư trú cùng thôn dùng 01 máy kéo nông nghiệp (gọi là tắc tở) và ông Đ sử dụng 01 máy tời (dạng tự chế)

của mình vận chuyển gỗ lên máy kéo chở đến bãi tập kết tại đường liên thôn B1, xã H, chiều ngày 28/8/2022 khi bốc xong gỗ, ông Đ gọi điện cho C vào bốc gỗ. Sau đó C nhờ anh Hà Văn T4, cư trú tại thôn 5, xã Y, huyện Y1 đang chơi tại nhà C, lái xe ô tô biển số 22C - 044.08 (là xe của anh Nguyễn Văn C, cư trú tại xã Đ, huyện Y1, tỉnh Tuyên Quang, do T lái thuê) đến bốc gỗ. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày khi bốc gỗ xong, thì xe anh T bị lún bánh không di chuyển được, C lần lượt gọi điện cho anh Nguyễn Văn T5, cư trú tại thôn B2, xã P điều khiển xe ô tô biển số 34C - 097.69 và xe tắc tời anh Ma Đình N đến hỗ trợ kéo vẫn không di chuyển được, lúc này anh T5 cầu gỗ từ xe anh T sang xe anh N, thì bị tổ công tác của Công an huyện phối hợp với Hạt kiểm lâm huyện Lâm Bình, tuần tra phát hiện thu giữ 8,235m³ gỗ tròn và phương tiện liên quan.

Sáng ngày 30/8/2022, ông Đ gọi điện hỏi và được C đồng ý cho lấy gỗ tại khu vực khai thác về làm củi, ông Đ rủ anh S cùng đi và thuê xe tắc tời của ông Lý Văn B3, cư trú tại thôn M, xã H chở đi tại đường liên thôn B1, xã H được tổng khối lượng 2,089m³ gỗ tròn và 0,281m³ củi. Chiều cùng ngày các Cơ quan tổ tụng huyện Lâm Bình khám nghiệm hiện trường, xác định: 20 gốc cây bị khai thác có khối lượng 0,247m³, 62 đoạn cây có khối lượng 1,105m³. Tổng khối lượng gỗ tại hiện trường 1,352m³, ngoài ra có 26 cây Vầu đường kính trung bình 05cm, chiều dài trung bình 05m bị chặt và đổ gãy và đã tạm giữ 62 đoạn cây có khối lượng như trên.

Quá trình điều tra xác định vị trí khai thác gỗ trái phép tại lô 19, khoảnh 44B, bản đồ phân ba loại rừng (theo Quyết định số 1859, ngày 31/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang) chức năng rừng sản xuất là rừng tự nhiên thuộc khu vực K, thôn H2, xã H, huyện L do Ủy ban nhân dân xã H quản lý. Tổng khối lượng lâm sản bị Tệt hại 11,676m³ gỗ, 0,281m³ củi và 26 cây Vầu.

Kết luận giám định số 583/CNR-VP, ngày 12/10/2022 của Viện nghiên cứu Công nghiệp rừng, Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam, kết luận: 25 mẫu gửi giám định là gỗ và thuộc bốn chủng loại gỗ, cụ thể: Ràng ràng mít (nhóm VI), Bời lời (nhóm ~V), Dẻ giáp (nhóm ~V), Lòng mang (nhóm VI). Bốn loài gỗ trên không có tên trong “*Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*” ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ và “*Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ*” ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ do vậy đây là các loài thông thường.

Kết luận định giá tài sản số 23/KL - ĐGTS ngày 10/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L (thời điểm định giá tháng 8/2022), kết luận: 11,216m³ gỗ Ràng ràng mít có giá trị 15.924.000 đồng; 0,125 m³ gỗ Bời lời có giá trị 164.000 đồng; 0,146 m³ gỗ Dẻ giáp có giá trị 292.000 đồng; 0,189m³ gỗ Lòng mang có giá trị 172.000 đồng; 0,281m³ củi có giá trị

196.700 đồng; 26 cây Vầu có giá trị 200.200 đồng. Tổng giá trị 16.948.900 đồng.

*** Về vật chứng:** Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ vật chứng gồm: 11,429m³ gỗ và 0,281m³ củi; 01 dao quắm bằng kim loại, chuôi gỗ, tổng chiều dài 54cm, phần chuôi dài 27cm, bản dao rộng nhất 4,5cm; 01 máy cưa xăng, nhãn hiệu Husqvarna 365, màu cam, lam dài 60cm kèm theo xích máy cưa; 01 máy tời (máy tự chế), đầu máy nhãn hiệu LADALAD; 01 xe ô tô biển số 22C - 044.08; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019111 tên Nguyễn Văn C1; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 2831420.

Đối với khối lượng 0,247m³ gỗ và 26 cây Vầu còn lại tại hiện trường, đã tạm giao cho Ủy ban nhân dân xã H quản lý.

Quá trình điều tra xác định 01 xe ô tô biển số 22C - 044.08 và 02 giấy tờ liên quan trên là của ông Nguyễn Văn C1, ngày 28/10/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông C1.

*** Về dân sự:** Ủy ban nhân dân xã H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra Ma Thị C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, lời khai nguyên đơn dân sự, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng, vật chứng tạm giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ nội dung trên, Cáo trạng số 03/CT-VKSLB ngày 28/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố Ma Thị C để xét xử về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm b, khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Ma Thị C từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường, đề nghị HĐXX không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại 01 dao quắm bằng kim loại, chuôi gỗ, tổng chiều dài 54cm, phần

chuôi dài 27cm, bản dao rộng nhất 4,5cm; 01 máy cưa xăng, nhãn hiệu Husqvarna 365, màu cam, lam dài 60cm kèm theo xích máy cưa, 01 máy tời (máy tự chế) cho ông Ma Đình Đ.

- Tịch thu sung ngân sách nhà ước 11,429m³ gỗ và 0,281m³ củi đã thu giữ.
- Đối với khối lượng 0,247m³ gỗ và 26 cây Vầu còn lại tại hiện trường,

giao cho Ủy ban nhân dân xã H quản lý, xử lý theo quy định.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị tuyên về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Đại diện nguyên đơn dân sự trình bày:

Nhất trí theo quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình. Hành vi của bị cáo Ma Thị C thuê ông Ma Đình Đ, cư trú tại thôn B1, xã H dùng cưa xăng cắt hạ các cây gỗ có tổng khối lượng 11,676m³ gỗ và 0,281m³ củi, đổ gãy 26 cây Vầu tại lô 19, Khoảnh 44B chức năng rừng sản xuất là rừng tự nhiên (theo Quyết định số 1859, ngày 31/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang) tại khu vực K thuộc thôn H2, xã H, huyện L do Ủy ban nhân dân xã H quản lý là vi phạm pháp luật.

Về hình phạt chính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo để giáo dục, cải tạo tại địa phương. Về trách nhiệm dân sự, không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo:

Nhất trí với bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo là người dân tộc Tày, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; nhận thức pháp luật còn hạn chế; tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị và cho bị cáo được hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và nhất trí với nội dung bào chữa của người bào chữa. Nói lời sau cùng bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, cam đoan không tái phạm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Bình, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: Ngày 27, 28/8/2022 Ma Thị C, cư trú tại thôn B, xã H thuê ông Ma Đình Đ, cư trú tại thôn B1, xã H dùng cưa xăng cắt hạ các cây gỗ Ràng ràng mít (nhóm VI), Bời lời nhóm ~V), Dẻ giáp (nhóm ~V), Lòng mang (nhóm VI), có tổng khối lượng 11,676m³ gỗ và 0,281m³ củi, đổ gãy 26 cây Vầu tại lô 19, Khoảnh 44B chức năng rừng sản xuất là rừng tự nhiên (theo Quyết định số 1859, ngày 31/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang) tại khu vực K thuộc thôn H2, xã H, huyện L do Ủy ban nhân dân xã H quản lý. Tổng giá trị lâm sản bị Tệt hại (tại thời điểm tháng 8/2022) có giá trị 16.948.900 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Nguồn gốc diện tích đất rừng tại lô 19, Khoảnh 44B chức năng rừng sản xuất là rừng tự nhiên tại khu vực K thuộc thôn H2, xã H, huyện L do ông vợ chồng ông Đặng Văn K và bà Đặng Thị B khai phá, sử dụng từ năm 1989, không có tranh chấp. Sau đó ông Kệt và bà Bình tặng cho các con trai là ông Lý Văn M, ông Lý Văn T3. Ông Lý Văn M và vợ là bà Bàn Thị V đã đi kê khai đăng ký và đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BR 845162 ngày 30/11/2013. Quá trình sử dụng phát hiện, diện tích đất gia đình ông Mau được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng vị trí, hình thể, diện tích đất thực tế sử dụng, chồng lấn sang cả phần đất của ông T nên đã đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cấp lại GCNQSDĐ. Tại Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của Ủy ban nhân dân huyện L đã thu hồi GCNQSDĐ của hộ gia đình ông Mau, đồng thời giao cho cơ quan chuyên môn phối hợp với UBND xã H hướng dẫn cho hộ gia đình ông T và ông Mau làm thủ tục kê khai xin cấp GCNQSDĐ theo quy định. Các hộ gia đình đã thực hiện việc kê khai đăng ký nhưng hiện chưa được cấp GCNQSDĐ.

Theo quy định của pháp luật hộ gia đình ông Lý Văn T3 chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa đủ điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với tài sản, lâm sản trên diện tích đất được cấp có thẩm quyền giao cho sử dụng. Bị cáo Ma Thị C biết rõ việc hộ gia đình ông Lý Văn T3 chưa được cấp giấy chứng nhận sử dụng đất đối với diện tích rừng tại lô 19, Khoảnh 44B chức năng rừng sản xuất là rừng tự nhiên tại khu vực K thuộc thôn H2, xã H, huyện L nhưng vẫn mua số lâm sản trên đất này và thuê ông Ma Đình Đ khai thác, việc khai thác bị cáo cũng không xin phép cơ quan có thẩm quyền. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Ma Thị C về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm phạm đến sự ổn định bền vững của môi trường sinh thái, môi trường sống của con người được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng trực tiếp môi trường sinh sống của các loài động, thực vật, gây mất cân bằng tới hệ sinh thái khí quyển, kiệt quệ nguồn tài nguyên lâm sản, gây mất ổn định an ninh chính trị địa phương. Do đó cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời đảm bảo công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc Tày số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; đại diện nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, số lâm sản bị cáo gây Tội hại đã được thu hồi, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, không cần Tắt phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo và giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội, đồng thời đảm bảo công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Ma Thị C là người dân tộc Tê, số, gia đình bị cáo sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp. Gia đình bị cáo có tài sản là nhà đất nhưng hiện đang được thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện L, ngoài ra bị cáo không có tài sản riêng nào khác có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự phát xác định số lâm sản bị cáo gây Tệt hại đã được thu giữ, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên HĐXX không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Trước và trong khi khai thác gỗ cho Ma Thị C, ông Ma Đình Đ không biết việc khai thác là trái phép nên cần trả lại 01 dao quắm bằng kim loại, chuôi gỗ, tổng chiều dài 54cm, phần chuôi dài 27cm, bản dao rộng nhất 4,5cm; 01 máy cưa xăng, nhãn hiệu Husqvarna 365, màu cam, lam dài 60cm kèm theo xích máy cưa, 01 máy tời (máy tự chế) cho ông Ma Đình Đ.

- Đối với số lâm sản đã thu giữ gồm 11,429m³ gỗ và 0,281m³ củi, xét thấy còn giá trị sử dụng, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với khối lượng 0,247m³ gỗ và 26 cây Vầu còn lại tại hiện trường, đã tạm giao cho Ủy ban nhân dân xã H quản lý cần giao cho Ủy ban nhân dân xã H quản lý, xử lý theo quy định.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với ông Lý Văn T3 khi bán các cây gỗ trên cho Ma Thị C, không có hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản nên không cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; việc khai thác gỗ do bị cáo C một mình thực hiện, ông T không biết và tham gia cùng nên không đồng phạm với bị cáo C về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” và không đủ căn cứ xử phạt hành vi hành chính về hành vi bán lâm sản trái pháp luật đối với ông T, do đó HĐXX không xem xét xử lý.

Đối với ông Ma Đình Đ, anh Ma Đình S trước, trong khi khai thác gỗ cho Ma Thị C, không biết việc khai thác là trái phép nên không đồng phạm với C về tội danh trên.

Đối với hành vi vào ngày 30/8/2022 ông Đ, anh S sau khi biết C thuê khai thác chưa có giấy tờ và thủ tục khai thác, đã lên vị trí khai thác lấy 2,089m³ gỗ tròn và 0,281m³ củi là có hành vi vi phạm hành chính khai thác lâm sản trái pháp luật. Ngày 13/02/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển tài liệu liên quan đến Hạt kiểm lâm huyện Lâm Bình đề nghị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định. Ngày 16/02/2023 Hạt Kiểm lâm huyện Lâm Bình đã ra quyết

định xử phạt vi phạm hành chính số 05, 06 đối với hành vi khai thác rừng trái pháp luật của ông Ma Đình Đ, anh Ma Đình S nên HĐXX không xem xét.

Đối với Ma Đình N, Hà Văn T4, Lý Văn B3 không biết việc khai thác gỗ và vận chuyển gỗ là vi phạm pháp luật nên không xem xét xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, có xác nhận của chính quyền địa phương nên được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Ma Thị C phạm tội Vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

- Xử phạt bị cáo Ma Thị C 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/3/2023).

Giao bị cáo Ma Thị C cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68, khoản 2 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại 01 dao quắm bằng kim loại, chuôi gỗ, tổng chiều dài 54cm, phần chuôi dài 27cm, bản dao rộng nhất 4,5cm; 01 máy cưa xăng, nhãn hiệu Husqvarna 365, màu cam, lam dài 60cm kèm theo xích máy cưa, 01 máy tời (máy tự chế) cho ông Ma Đình Đ.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số lâm sản đã thu giữ gồm: 11,429m³ gỗ và 0,281m³ củi.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận ngày 01/3/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình).

- Giao cho Ủy ban nhân dân xã H quản lý, xử lý theo quy định 0,247m³ gỗ và 26 cây Vầu còn lại tại hiện trường.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận ngày 30/8/2022 giữa Hạt Kiểm lâm huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang với Ủy ban nhân dân xã H, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang).

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UB1VQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Ma Thị C.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, nguyên đơn dân sự, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/3/2023). Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Lâm Bình;
- Công an huyện Lâm Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh TQ;
- Chi cục THADS huyện Lâm Bình;
- UBND xã H;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Đức Quỳnh